

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày 31-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm - Chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Lệ Q - Chuyên viên quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro Phòng Giao dịch Thượng Đình Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Đông Đa (Giấy uỷ quyền số 133A/2024/UQ-TD ngày 01/10/2024); bà Quyên vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị N; nơi cư trú: Thôn Phương Trì 1, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09-6-2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng), và bà Bùi Thị N đã ký với nhau Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị hợp đồng cấp thẻ cá nhân và bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân). Căn cứ thu nhập của bà Bùi Thị N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng VS PayWave Cre Platinum Cashback 436438-0132 với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,48%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Bùi Thị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Bùi Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 60.500.000 đồng. Sau khi bà Bùi Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà Bùi Thị N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Ngân vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng. Do bà Bùi Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 26/12/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Bùi Thị N, cụ thể là thẻ VS PayWave Cre Platinum Cashback 436438-0132 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Kể từ khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã có thông báo đơn đốc nợ tuy nhiên bà Ngân vẫn không hợp tác trả nợ. Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng của bên vay đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị N phải thanh toán số tiền nợ tính đến hết ngày 31-3-2025 là 105.535.610 đồng (trong đó nợ gốc 67.077.344 đồng; nợ lãi trong hạn là 25.638.844 đồng; nợ lãi quá hạn là 12.819.422 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01-4-2025 đến ngày bà Bùi Thị N thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-0132.

Tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị N trình bày: Bà thừa nhận đã ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ cá nhân và bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân) với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín và đã được cấp thẻ tín dụng VS PayWave Cre Platinum Cashback 436438-0132 với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng và mục đích vay là Tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà đã thực hiện các giao dịch thanh toán từ thẻ với tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà đã trả cho Ngân hàng số tiền 60.500.000 đồng. Nay, do điều kiện

kinh tế khó khăn nên bà không có tiền trả cho Ngân hàng, bà đề nghị được trả dần toàn bộ số tiền nợ gốc và xin miễn toàn bộ tiền lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không tham gia đầy đủ phiên họp, phiên hòa giải, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Bùi Thị N phải trả nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 31-3-2025 gồm: Tiền gốc: 67.077.344 đồng; tiền lãi trong hạn là: 25.638.844 đồng; lãi quá hạn là: 12.819.422 đồng; tổng cộng: 105.535.610 đồng đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 01-4-2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị hợp đồng cấp thẻ cá nhân và bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân) ngày 09-6-2023.

Về án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị N có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn Phương Trì 1, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân bà Bùi Thị N vay vốn tiêu dùng cá nhân. Việc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện đối với bà Bùi Thị N trong thời hạn pháp luật quy định. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn có bà Hoàng Lê Q là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Bùi Thị N

có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn bà Bùi Thị N.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn xác định bà Bùi Thị N vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 09/6/2023, số thẻ 436438-0132 với nội dung sau: Hạn mức tín dụng 60.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,48%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, phí sử dụng thẻ, phương thức giải ngân bà Bùi Thị N sử dụng thẻ để chi tiêu cá nhân. Thực hiện hợp đồng tín dụng bà Bùi Thị N đã nhiều lần sử dụng thẻ tín dụng để thanh toán cho mục đích tiêu dùng cá nhân và vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do đó ngày 26/12/2023, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn và chấm dứt cho vay đối với số thẻ 436438-0132 của bà Bùi Thị N. Sau khi bà Bùi Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã đôn đốc bà Bùi Thị N yêu cầu trả nợ nhưng bà Bùi Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến hết ngày 31-3-2025 là 105.535.610 đồng (trong đó nợ gốc 67.077.344 đồng; nợ lãi trong hạn là 25.638.844 đồng; nợ lãi quá hạn là 12.819.422 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01-4-2025 đến ngày bà Bùi Thị N thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số thẻ 436438-0132. Do vậy đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ trên cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh đến ngày thực trả hết nợ theo lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117, 280, 292, 293, 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín:

Buộc bà Bùi Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ gốc và tiền lãi của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 09-6-2023 tính đến hết ngày 31-3-2025 là 105.535.610 (Một trăm linh năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười) đồng (trong đó nợ gốc 67.077.344 đồng; nợ lãi trong hạn là 25.638.844 đồng; nợ lãi quá hạn là 12.819.422 đồng).

Kể từ ngày 01-4-2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí 2.057.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009440 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Bà Bùi Thị N phải chịu 5.276.000 (Năm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo,
TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi Cục Thi hành án dân sự
huyện Vĩnh Bảo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Vinh